

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/DS-PT

Ngày: 07 - 02 - 2020

V/v: “*Tranh chấp bồi thường thiệt
hại phát sinh từ hợp đồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2020/QĐPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T1, Sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T2, Sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Nguyễn Văn Bé H, sinh năm: 1953 (có mặt)

Đăng ký thường trú: ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

4. *Người làm chứng:* Ông Lê Văn P, sinh năm: 1974 (vắng mặt)

Đăng ký thường trú: ấp A1, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

5. *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị T1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019 cùng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Vào ngày 21/11/2018 (dương lịch) bà T1 có thuê anh T2 sửa chữa nhà ở và làm lộ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản, ý định ban đầu bà T1 muốn thuê khoán (lãnh mảo). Sau đó anh T2 yêu cầu tính tiền công sửa chữa theo ngày, bà T1 cũng thống nhất nên hai bên thỏa thuận làm tới đâu thanh toán tiền nhân công tới đó, vật tư do chủ nhà cung cấp. Khi sửa chữa nhà thì bà T1 đã trả tiền công cho anh T2 tổng số tiền là 42.000.000 đồng. Tuy nhiên anh T2 chưa sửa chữa xong nhà và lộ cho bà T1 thì bỏ ngang công trình xây dựng gây hư hao thất thoát thiệt hại vật tư xây dựng của bà T1. Trong quá trình sửa chữa nhà và lộ thì anh T2 không thực hiện theo sự chỉ đạo của bà T1 và gây thiệt hại cho bà T1 nên bà T1 phải thuê thợ khác để sửa chữa lại nhà.

Vì vậy bà T1 khởi kiện yêu cầu anh T2 bồi thường cho bà T1 số 36.500.000 đồng. Tại phiên tòa bà T1 trình bày số tiền 36.500.000 đồng bà T1 yêu cầu anh T2 bồi thường theo đơn khởi kiện là khoản tiền công bà thuê ông P sửa chữa lại nhà và sân cho bà do anh T2 bỏ ngang công trình sửa chữa nhà của bà T1 nên bà T1 phải thuê thợ khác (là ông P) để sửa chữa lại nhà.

Ngoài ra tại tòa bà T1 yêu cầu anh T2 mua laphong gắn lại đúng như hiện trạng ban đầu; sửa chữa nhà sau lại cho bà T1 và sửa chữa lại bếp; lát xi măng 01 phần sân phía sau; vá bờ kè và nền lộ bị nứt; tháo khung sườn mái che xuống lấy sắt về và T2 phải trả tiền sắt lại cho bà T1; tô nền miễu và lát gạch lại phần nền gạch bị bể, xây nền miễu lại cho bằng; yêu cầu anh T2 mua lưới B40 làm lại hàng rào cho bà T1; mua trả lại bà T1 02 cộng sắt 8 mỗi cộng dài 16m; mua 5 cây cột bê tông đúc sẵn 9 phân mỗi cây cột cao 3m trả lại cho bà T1; mua 5 bao xi măng pcv trả cho bà T1 do trong quá trình sửa nhà và làm lộ anh T2 tự ý làm gây thiệt hại cho bà T1.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Trần Thanh T2 trình bày:

Trước đây anh T2 có thỏa thuận sửa chữa nhà và làm lộ cho bà T1, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản. Anh T2 thỏa thuận sửa chữa nhà và lộ tính tiền công theo ngày. Sau khi sửa chữa xong bà T1 đã trả tiền cho anh T2 đầy đủ với tổng số tiền công anh T2 đã nhận là 42.000.000 đồng. Trong quá

trình sửa chữa nhà thì anh T2 làm theo sự chỉ đạo của bà T1. Nay bà T1 khởi kiện yêu cầu anh T2 bồi thường thiệt hại anh T2 không đồng ý theo yêu cầu của bà T1.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé H trình bày:

Trước đây anh T2 có thỏa thuận sửa chữa nhà và làm lộ cho bà T1, hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập thành văn bản. Anh T2 thỏa thuận sửa chữa nhà và lộ theo yêu cầu của bà T1, anh T2 tính tiền công theo ngày. Sau khi sửa chữa xong bà T1 đã trả tiền cho anh T2 đầy đủ với tổng số tiền công là 42.000.000 đồng. Trong quá trình sửa chữa nhà thì anh T2 làm theo sự chỉ đạo của bà T1. Nay bà T1 khởi kiện yêu cầu anh T2 bồi thường thiệt hại theo ông Bé H thì anh T2 không làm hư hao nhà bà T1 nên anh T2 không cần phải bồi thường.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bị đơn Trần Thanh T2 bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo và sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về nội dung: Ngày 21/11/2018 bà Nguyễn Thị T1 có thuê anh Trần Thanh T2 sửa chữa nhà và làm lộ, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Hai bên thống nhất là tính tiền công theo ngày và vật liệu xây dựng thì do bà T1 cung cấp. Tuy nhiên, bà T1 cho rằng trong quá trình sửa chữa nhà anh T2 đã bỏ ngang không sửa chữa tiếp nên bà T1 phải thuê ông Lê Văn P để sửa chữa nhà với tổng tiền công là 36.500.000 đồng nên bà T1 khởi kiện yêu cầu anh T2 phải bồi thường cho bà T1 số tiền 36.500.000 đồng.

Xét thấy, do việc thỏa thuận sửa nhà giữa bà T1 và anh T2 chỉ thỏa thuận miệng với nhau, không được lập thành văn bản cũng không có người chứng kiến nên nay bà T1 cho rằng hai bên có thỏa thuận là nếu anh T2 làm hư hỏng tài sản hoặc chất lượng không đạt phải bồi thường nhưng anh T2 không thừa nhận có sự thỏa thuận này. Hợp đồng giữa bà T1 và anh T2 là làm tính tiền công theo ngày, làm ngày nào tính tiền ngày đó, không phải là hợp đồng giao khoán nên việc bà T1 đã trả cho anh T2 đủ số tiền 42.000.000 đồng tiền công là xem như bà T1 đã xác định anh T2 đã hoàn thành công việc sửa nhà. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ông Lê Văn P (Bút lục 91) ông P trình bày là khi ông hợp đồng sửa nhà cho bà T1 thì bà T1 có yêu cầu ông sửa lại 02 bếp do anh T2 làm xấu.

Bà T1 xác định bà yêu cầu anh T2 thực hiện các công việc như: lán xi măng mặt lộ từ cửa nhà xuống mé sông, đập 02 phòng ngủ để làm hành lang, làm hàng rào trước cửa miếu, làm mái che chỗ nền miếu, làm 02 cái bếp nhà sau, đập chuồng heo để lán xi măng làm sân, che mái hiên nhà sau. Đồng thời, bà cũng xác định anh T2 xây không đúng yêu cầu của bà, gạch lót miếng cao miếng thấp, đập 02 phòng làm rớt laphong, 02 bếp đã làm nhưng xấu, sân sau có làm nhưng bị hư... còn đối với hợp đồng với ông P bà yêu cầu ông P làm 03 phần gồm: sân trước, sân sau và nhà. Hơn nữa, tại phiên tòa bà T1 cũng xác định những công trình mà bà yêu cầu anh T2 sửa chữa anh T2 đều có thực hiện và bà T1 cũng không có chứng cứ chứng minh được thiệt hại mà anh T2 đã gây ra. Do đó, bà T1 cho rằng anh T2 sửa nhà đã làm thiệt hại tài sản của bà và yêu cầu anh T2 phải bồi thường là không có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Tại phiên tòa bà T1 cho rằng anh T2 đã tự ý sửa chữa, không theo sự chỉ đạo của bà T1 nên đã gây thiệt hại cho bà, nên bà yêu cầu anh T2 mua laphong gắn lại đúng như hiện trạng ban đầu; sửa chữa nhà sau lại cho bà T1 và

sửa chữa lại bếp; lán xi măng 01 phần sân phía sau; vá bờ kè và nền lộ bị nứt; yêu cầu anh T2 tháo khung sườn mái che xuống lấy sắt về và T2 phải trả tiền sắt lại cho bà T1; tô nền miếu và lát gạch lại phần nền gạch bị bể, xây nền miếu lại cho bằng; mua lưới B40 làm lại hàng rào cho bà T1; mua trả lại bà T1 02 cộng sắt 8 mỗi cộng dài 16m; mua 5 cây cột bê tông đúc sẵn 9 phân mỗi cây cột cao 3m trả lại cho bà T1; mua 5 bao xi măng pcp trả cho bà.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2019, bà Nguyễn Thị T1 chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Thanh T2 bồi thường tổn thất thiệt hại vật tư xây dựng công trình với số tiền 36.500.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án bà không có đơn khởi kiện bổ sung đối với những yêu cầu này. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự thì “1. *Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”. Như vậy, trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét giải quyết yêu cầu của bà T1 về việc yêu cầu anh T2 bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 36.500.000 đồng. Đối với các yêu cầu khác không được thể hiện trong đơn khởi kiện nên không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 147, Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 281 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 29/2019/DS-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bị đơn Trần Thanh T2 bồi thường thiệt hại phát sinh từ hợp đồng.

2. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), bà T1 đã nộp xong.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 1.825.000 đồng (Một triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 912.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0018024 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang. Bà T1 còn phải nộp thêm số tiền 913.000 đồng (Chín trăm mười ba nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0021594 ngày 06/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 07/02/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông